

# Vai trò của khu công nghiệp, khu chế xuất với phát triển kinh tế Việt Nam

PHAN TIẾN NGỌC

**P**hát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Quán triệt chủ trương này, năm 1991, khu chế xuất Tân Thuận-khu chế xuất đầu tiên của Việt Nam đã được thành lập. Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay cả nước đã có 130 KCN, KCX phân bố rộng khắp trên tất cả các vùng trong cả nước. Các KCN, KCX này đã từng bước khẳng định được vai trò, vị trí của mình trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong thời gian qua. Tuy nhiên, bên cạnh đó việc phát triển các KCN, KCX giai đoạn vừa qua cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố thiếu bền vững ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Việt Nam trong tương lai. Bài viết này sẽ phân tích vai trò của các KCN, KCX đối với phát triển kinh tế Việt Nam từ năm 1991 đến nay; đồng thời chỉ ra một số tồn tại của các KCN, KCX ảnh hưởng đến phát triển bền vững trong thời gian tới.

## I. VAI TRÒ CỦA CÁC KCN, KCX ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển các KCN, KCX, Chính phủ đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật, tạo khung pháp lý cho việc phát triển KCN, KCX như: Nghị định 322/HĐBT về quy chế khu chế xuất; Nghị định số 192/CP ngày 28-12-1994 về Quy chế khu công nghiệp; và Quyết định số 519/TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KCN và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996-2010... Bên cạnh đó, các bộ, ngành và

UBND cấp tỉnh cũng đã ban hành những chính sách đơn giản hóa, giảm thiểu, công khai các thủ tục hành chính, để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Đồng thời các cơ quan quản lý chuyên ngành như hải quan, ngân hàng, công an cũng đã được thành lập tại các KCN, KCX. Cơ chế ủy quyền này đã hình thành nên một cơ chế quản lý hiệu quả "một cửa, tại chỗ", rút ngắn được thủ tục hành chính, giải tỏa tâm lý cho các nhà đầu tư vào KCN. Nhờ đó mà các KCN, KCX đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Đến nay cả nước đã có 130 KCN, KCX các loại với tổng diện tích là 26.517 ha, phân bố rộng khắp trên 45 tỉnh, thành phố của cả nước. Quy mô bình quân 1 KCN khoảng 200ha/KCN, trong đó lớn nhất là KCN Phú Mỹ I ở Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 954,4 ha (không kể KCN Dung Quất), KCN nhỏ nhất là KCN Bình Chiểu tại thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 28 ha.

Trải qua một thời gian xây dựng và phát triển, các KCN, KCX nước ta đã từng bước khẳng định được vai trò và nổi lên trở thành một động lực mạnh mẽ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc phát triển các KCN, KCX đã từng bước đưa nước ta tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hóa và tập trung hóa. Phương thức này cho phép chúng ta khai thác tốt nhất tài lực của quốc gia, thúc đẩy tăng năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm mới, đồng thời góp phần phát triển văn

---

Phan Tiến Ngọc, Ths, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

hóa, xã hội một cách đồng bộ trên từng địa bàn và trong cả nước. Điều này thể hiện trên một số mặt sau:

### **1. KCN, KCX - địa chỉ thu hút vốn đầu tư mạnh mẽ**

Đến nay, sau 15 năm xây dựng và phát triển với nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt, cùng với cơ chế quản lý đặc thù, thủ tục đầu tư ngày càng đơn giản thuận tiện hơn so với bên ngoài, và hệ thống kết cấu hạ tầng khá thuận lợi, các KCN, KCX đã, đang thực sự là địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Có rất nhiều doanh nghiệp thuộc đủ mọi thành phần kinh tế, bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, và doanh nghiệp ngoài quốc doanh... đã đầu tư vào các KCN, KCX. Nếu không tính các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN, cho đến cuối năm 2005 đã có 4.516 dự án đầu tư còn hiệu lực trong các KCN, KCX, trong đó có 2.202 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 48,5% số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép của cả nước) và 2.314 dự án đầu tư trong nước. Các dự án đầu tư vào KCN, KCX thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất hóa chất, dệt may, da-giày, điện tử, lắp ráp ô tô xe máy...

Cho đến nay đã có hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào các KCN, KCX của Việt Nam với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 17,6 tỷ USD, chiếm 37% vốn đăng ký của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép của cả nước. Các dự án đầu tư nước ngoài trong KCN, KCX chủ yếu là hình thức 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chiếm gần 80% tổng số dự án. Nhìn chung, các dự án đầu tư vào KCN, KCX đều được triển khai nhanh và thuận lợi hơn so với các dự án ở bên ngoài KCN, KCX; thời gian xây dựng tương đối ngắn (trung bình từ 1-2 năm, cá biệt có dự án chỉ có 6 tháng sau khi cấp phép đầu tư đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh), nên tỷ lệ vốn thực hiện của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các KCN, KCX đạt

khá cao, khoảng 40%, cao hơn nhiều so với trung bình chung của cả nước. Các lĩnh vực hoạt động của các dự án đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào các ngành đòi hỏi nhiều lao động và có tỷ lệ xuất khẩu cao như dệt, sợi, may mặc và công nghiệp chế biến thực phẩm...

Không chỉ có vai trò quan trọng trong việc thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, trong những năm gần đây, đặc biệt sau khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực và đi vào thực tiễn, xu hướng đầu tư trong nước vào các KCN, KCX ngày một gia tăng. Tính đến cuối năm 2005, cả nước đã có 2.314 dự án đầu tư trong nước được phê duyệt với tổng vốn đầu tư trên 103 nghìn tỷ đồng. Mặc dù các dự án có vốn đầu tư trong nước có quy mô còn nhỏ, và chiếm tỷ trọng thấp trong tổng vốn đầu tư vào KCN, KCX, nhưng nguồn vốn này đang có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Năm 2003, tổng vốn đầu tư trong nước ở các KCN, KCX là 77 nghìn tỷ đồng, thì đến năm 2005 con số này đã tăng lên 103 nghìn tỷ đồng, gấp 1,3 lần. Hơn nữa, trong những năm vừa qua, nguồn vốn đầu tư trong nước đã có vai trò quan trọng trong việc bù đắp được lượng vốn đầu tư nước ngoài bị sụt giảm do ảnh hưởng của những biến động phức tạp trên thế giới (khủng hoảng tài chính-tiền tệ trong khu vực, sự kiện 11-9, chiến tranh vùng Vịnh...). Như vậy, sự gia tăng nguồn vốn đầu tư trong nước vào KCN, KCX trong thời gian qua không chỉ có vai trò khơi thông nguồn vốn để phát triển, mà còn phù hợp với mục tiêu chiến lược tổng thể phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đó là: nguồn vốn đầu tư trong nước đóng vai trò quyết định, nguồn vốn nước ngoài là quan trọng.

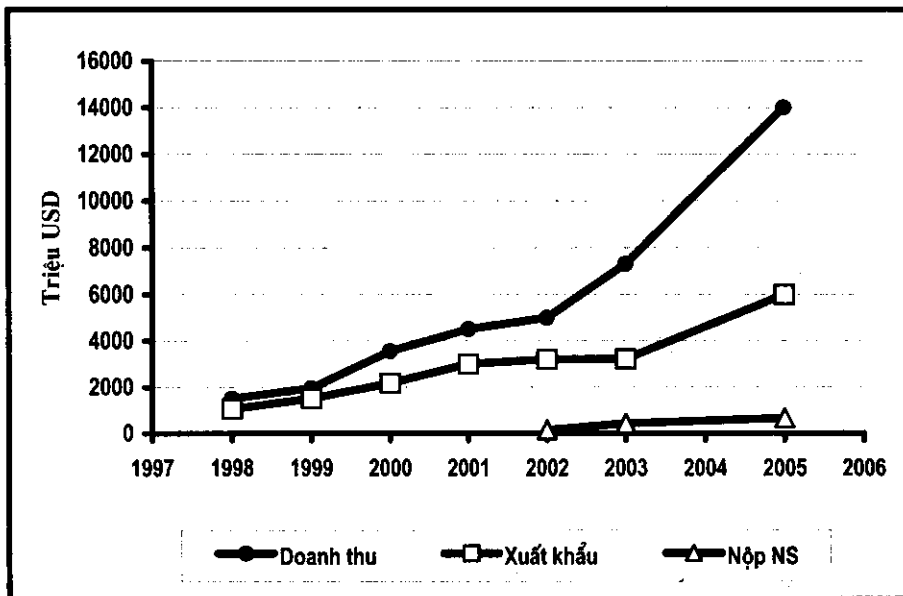
### **2. KCN, KCX góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tuy thời gian phát triển chưa lâu, song các KCN, KCX đã góp phần quan trọng trong việc tạo ra nhiều giá trị sản xuất công nghiệp; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từng bước

đưa nước ta tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa; khai thác tốt nhất mọi nguồn lực và những lợi thế hiện có, nâng cao sức cạnh tranh và đẩy nhanh tốc độ phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm qua, doanh thu và giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong KCN, KCX liên tục tăng nhanh và đều qua các năm (hình 1). Doanh thu của các doanh nghiệp trong KCN, KCX tăng

trường trung bình gần 48%/năm, gấp 6,3 lần tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước. Năm 1998, doanh thu của các doanh nghiệp trong KCN mới đạt gần 1,5 tỷ USD, thì đến năm 2005, con số này đã tăng lên 14 tỷ USD, gấp gần 9,33 lần so với năm 1998. Như vậy, các KCN, KCX đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của cả nước, chỉ riêng năm 2005, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN, KCX chiếm gần 26,5% GDP.

HÌNH 1: Doanh thu, xuất khẩu và nộp ngân sách của các doanh nghiệp KCN, KCX

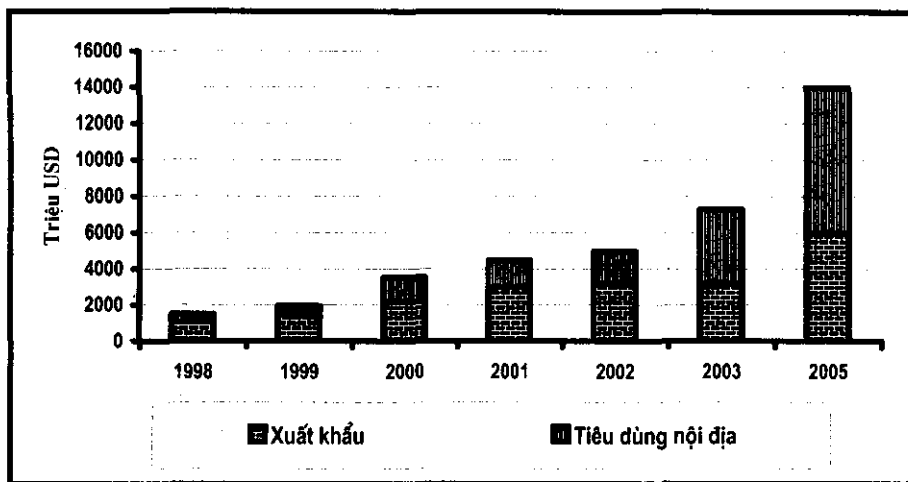


Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Với những cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích các doanh nghiệp trong KCN, KCX xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, nên kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong các KCN, KCX tăng trưởng mạnh. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong KCN, KCX giai đoạn từ 1998-2005 là 36%, cao hơn nhiều tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của cả nước. Đây chính là động lực giúp hoạt động ngoại thương của Việt Nam đạt được kết quả khởi sắc trong những năm qua. Hơn nữa, tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu của các doanh nghiệp KCN, KCX ở Việt Nam đạt khá cao, trung bình 60%. Tuy nhiên hiện nay, tỷ lệ này đang có xu

hướng giảm dần (hình 2). Những năm đầu phát triển KCN, KCX các doanh nghiệp chủ yếu sản xuất hàng hóa để xuất khẩu. Nhưng trong những năm gần đây, các doanh nghiệp trong KCN, KCX đang có xu hướng chuyển từ sản xuất hàng xuất khẩu sang sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu. Cơ cấu hàng hóa thay thế nhập khẩu đang có xu hướng tăng. Điều này phản ánh thực tế trong những năm gần đây, số lượng các KCN được thành lập mới nhiều hơn số lượng các KCX. Hơn nữa, xu hướng này cũng phản ánh chính sách kinh tế của Việt Nam đang nghiêng về bảo hộ sản xuất trong nước, đặc biệt là các sản phẩm công nghiệp.

HÌNH 2: Tỷ lệ xuất khẩu của các doanh nghiệp trong KCN, KCX



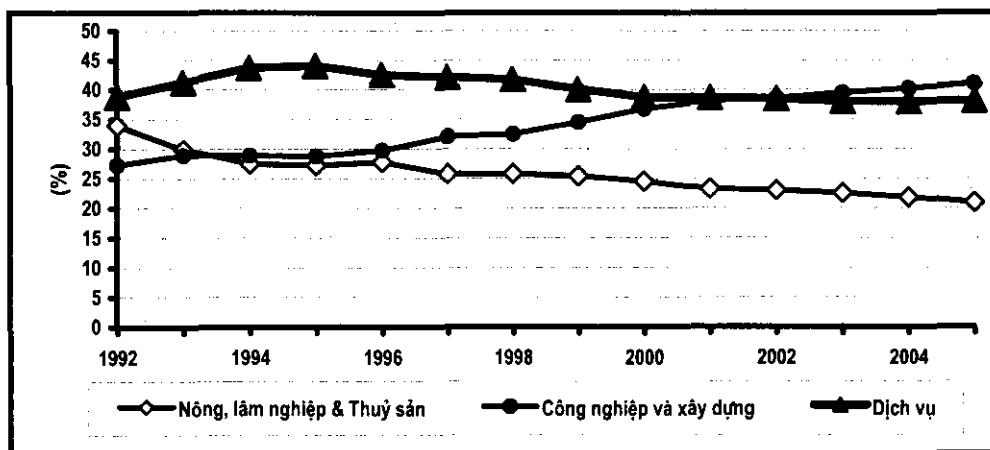
Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Cùng với doanh thu và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp của các doanh nghiệp trong KCN, KCX vào ngân sách nhà nước ngày một tăng (hình 1). Năm 2002, các doanh nghiệp trong KCN, KCX nộp ngân sách đạt 140 triệu USD, thì đến năm 2005 các doanh nghiệp này đã đóng góp được trên 650 triệu USD vào ngân sách, cao gấp 4,6 lần năm 2002.

Giá trị sản xuất công nghiệp và xuất

khẩu của các KCN, KCX tăng trưởng mạnh mẽ đã góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành của Việt Nam theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong GDP, từ 27,26% năm 1992 lên 41,03% năm 2005, tức tăng 13,77 điểm phần trăm. Trong khi đó, tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm tương ứng từ 33,94% năm 1992 xuống còn 20,89% năm 2005, giảm 13,05 điểm phần trăm (hình 3).

HÌNH 3: Chuyển dịch cơ cấu ngành của Việt Nam 1992-2005



Nguồn: Kinh tế Việt Nam 2005-2006 (Thời báo Kinh tế Việt Nam)

Điều đáng chú ý là sự chuyển dịch cơ cấu này chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng nhanh của những ngành công nghiệp chế biến có liên quan mật thiết đến xuất khẩu và KCN,

KCX. Hiện nay, các ngành công nghiệp chế biến chiếm tới 80% giá trị sản lượng công nghiệp (trừ ngành khai thác mỏ). Trong đó có một số ngành có tốc độ tăng trưởng rất

cao như may mặc và da giày... Chính những ngành này là động lực chính làm chuyển đổi hơn 13,77 điểm phần trăm của toàn ngành công nghiệp trong thời gian qua, và góp phần quan trọng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước. Đáng chú ý là những ngành công nghiệp chế biến này lại tập trung cao trong các KCN, KCX. Do đó, việc mở mang KCN, KCX có vai trò không nhỏ trong việc góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

### **3. Góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xoá đói, giảm nghèo**

Theo số liệu thống kê, đến nay, các doanh nghiệp trong KCN, KCX đã tạo việc làm cho khoảng 750 nghìn lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp. Nếu so với khả năng tạo việc làm thì những con số này chưa phải là lớn và chưa tương xứng với tiềm năng. Nhưng điều quan trọng đáng nói ở chỗ: phần lớn những lao động này là lao động trẻ (có đến 90% lao động có độ tuổi từ 18 đến 35), có khả năng nhanh chóng tiếp thu kỹ thuật mới. Họ được tiếp cận với công nghệ sản xuất hiện đại, phương thức quản lý tiên tiến, có bài bản. Đây cũng là điều kiện quan trọng để xây dựng đội ngũ lao động mới có kỷ luật, có kỹ thuật và có năng suất cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hơn nữa, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo lại và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, trong thời gian qua, nhiều KCN, KCX đã thành lập các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương. Điển hình như KCN Nghi Sơn có trường dạy nghề Nghi Sơn, KCN Dung Quất có trường dạy nghề Dung Quất, KCN Việt Nam - Singapo có trung tâm dạy nghề Việt Nam - Singapo... Việc thành lập các trường, trung tâm dạy nghề trong các KCN, KCX đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong KCN nói riêng, cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta nói chung.

Tạo việc làm đồng nghĩa với tạo thu nhập cho người lao động, tác động tích cực đến việc xoá đói giảm nghèo và giảm tỷ lệ thất nghiệp trong cộng đồng dân cư, đồng thời góp phần giảm các tệ nạn xã hội do thất nghiệp gây nên. Theo điều tra, hiện có khoảng 40% số lao động làm việc trong các KCN, KCX là những người nghèo đến từ nhiều địa phương. Tỷ lệ này cho thấy số thoát nghèo trực tiếp nhờ KCN, KCX là gần 30 vạn, nếu tính thêm số lao động gián tiếp và những nhân khẩu ăn theo thì con số thoát nghèo lên tới nửa triệu người. Như vậy, việc mở mang các KCN, KCX không chỉ góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà còn góp phần đáng kể vào việc thực hiện xoá đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động ở nước ta.

### **4. Nâng cao năng lực công nghệ quốc gia**

Cùng với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động sản xuất tập trung trong một địa bàn tương đối thuận lợi với nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, các doanh nghiệp trong KCN, KCX đã tiếp nhận nhiều công nghệ tiên tiến hiện đại trên thế giới để tiến hành sản xuất kinh doanh. Theo thống kê, nhìn chung các doanh nghiệp trong KCN, KCX có các thiết bị, trình độ công nghệ ở mức tiên tiến hiện đại hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Nhiều công nghệ được nâng cấp về mặt kỹ thuật và trang bị trước khi đưa vào sản xuất sản phẩm; nhiều công nghệ mới, hiện đại như công nghệ chế tạo sản phẩm cơ khí và cơ khí chính xác đã được chuyển giao và sử dụng ở các doanh nghiệp trong KCN, KCX.

Đáng chú ý là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KCX đã chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại từ chính quốc vào Việt Nam, góp phần làm tăng năng lực sản xuất mới cho các ngành kinh tế then chốt. Nhiều công ty có vốn đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao như Rodze Robotec ở KCN Nomura (Hải Phòng), Cannon ở KCN Thăng Long (Hà Nội)... Như vậy, việc cải tiến và chuyển giao công nghệ ở

các doanh nghiệp trong KCN, KCX đã góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng xuất khẩu.

### 5. Thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa phương và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa

Trong thời gian qua, các KCN, KCX đã có những tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Điều này thể hiện trên một số khía cạnh như: tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các doanh nghiệp công nghiệp mới trên địa bàn ở địa phương; tăng cường khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước cho sản xuất công nghiệp, góp phần mở rộng quy mô sản xuất ở địa phương; tạo công ăn việc làm mới, đặc biệt là việc làm gián tiếp cho người lao động tại địa phương, cũng như các tỉnh lân cận trong vùng.

Ngoài ra việc phát triển các KCN, KCX trong thời gian qua đã hình thành nhiều khu đô thị mới, mang lại văn minh đô thị, góp phần cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cho khu vực rộng lớn được đô thị hóa. Ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, dải công nghiệp dọc quốc lộ 5: Sài Đồng, Phố Nối, Nam Sách, Hải Phòng-Nomura, Đình Vũ; dọc quốc lộ 18: Bắc Thăng Long, Nội Bài, Tiên Sơn, Quế Võ đã đang dần hình thành các đô thị mới như Long Biên, Đông Anh, Sóc Sơn, Nam Thăng Long của Hà Nội; đô thị Vật Cánh, Đình Vũ của Hải Phòng... Khu đô thị Nam Thanh - Bắc Nghệ đang dần lộ rõ với khu công nghiệp Nghi Sơn, Hoàng Mai. Khu kinh tế Dung Quất với Nhà máy lọc dầu số 1, các cơ sở hóa chất, luyện kim... gắn với hình thành thành phố Vạn Tường sẽ tạo thế và lực mới cho Quảng Ngãi nói riêng và cho các tỉnh Trung Trung Bộ nói chung. Tại thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 1992 đến nay, với KCX Tân Thuận, 5 cụm đô thị dọc tuyến đường Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh đô thị mới Nam Sài Gòn đã xuất hiện. Ngoài ra còn nhiều khu đô thị mới gần các KCN, KCX đã và đang được hình

thành, góp phần cải thiện bộ mặt các vùng nông thôn ở nước ta.

## II. MỘT SỐ TỒN TẠI TRONG PHÁT TRIỂN CÁC KCN, KCX Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Trong thời gian qua, các KCN, KCX bước đầu đã thể hiện được vai trò không thể thay thế của mình trong quá trình CNH, HĐH, tuy vậy, bên cạnh những ưu thế, những thành tựu nổi bật, các KCN, KCX cũng đã bộc lộ một số bất cập, thiếu bền vững, làm cản trở phát triển kinh tế của nước ta trong thời gian tới. Điều này thể hiện trên một số mặt sau:

- *Việc phân bố các KCN, KCX giữa các vùng còn bất hợp lý.*

Thành lập quá nhiều KCN, KCX ở cùng một vùng trong khi khả năng thu hút đầu tư hạn chế, không phát huy được hiệu quả của vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các KCN. Điều này vô hình chung đã hình thành nên các KCN, KCX có chức năng tương tự nhau ở các địa phương, dẫn tới tình trạng cạnh tranh gay gắt, tự phát, chạy đua theo "phong trào", làm cho hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, không khai thác được những lợi thế riêng có của các địa phương trong việc phát triển các KCN, KCX. Hơn nữa, giữa công tác quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch chưa ăn khớp nhau. Nhiều quy hoạch được duyệt, thậm chí đã đi vào xây dựng kết cấu hạ tầng thì địa phương lại thay đổi quy hoạch về diện tích, ranh giới, gây ra sự hoài nghi về tính ổn định của môi trường đầu tư và hiệu lực của các cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ, ảnh hưởng xấu đến thu hút nguồn vốn đầu tư vào các KCN, KCX.

- *Để khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các KCN, KCX, các địa phương đang ra sức "ganh đua, cạnh tranh" để thu hút các nguồn vốn đầu tư về các KCN, KCX ở địa phương mình.*

Nhiều địa phương đã ban hành những ưu đãi riêng "xé rào" để thu hút đầu tư, chấp nhận dùng ngân sách địa phương bù lỗ. Điều

này không chỉ làm ảnh hưởng tới ngân sách nhà nước, mà còn dẫn đến tình trạng chèn lấn, ngáng chân nhau trong việc thu hút đầu tư, làm giảm hiệu quả của các KCN, KCX, không tận dụng được lợi thế của các địa phương, các doanh nghiệp.

*- Cơ cấu đầu tư vào các KCN, KCX còn nhiều bất cập.*

Hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN, KCX đều là các dự án công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng (như: dệt, sợi, may mặc, da giày...). Còn các dự án đầu tư vào những ngành công nghiệp nặng hay những ngành đòi hỏi công nghệ tiên tiến hiện đại (điện, điện tử, vật liệu mới) còn quá ít. Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời gian tới.

*- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN, KCX đang có xu hướng giảm sút.*

Quy mô bình quân một dự án có chiều hướng năm sau thấp hơn năm trước. Thực tế này cho thấy KCN, KCX ở nước ta vẫn chưa đủ sức hấp dẫn những nhà đầu tư từ các công ty lớn xuyên quốc gia, nắm giữ những công nghệ gốc, sản xuất những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. Hơn nữa, mặc dù có trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào KCN, KCX ở Việt Nam, nhưng phần lớn là từ các nước châu Á (chiếm gần 80%), còn những quốc gia châu Âu, Bắc Mỹ - những nước có kỹ thuật cao, công nghệ hiện đại lại chiếm vị trí khá khiêm tốn trong cơ cấu đầu tư vào KCN, KCX. Do đó các doanh nghiệp trong KCN, KCX ít có cơ hội tiếp nhận được những công nghệ gốc tiên tiến, hiện đại từ các quốc gia có trình độ khoa học kỹ thuật cao, mà chủ yếu chỉ là tiếp nhận những công nghệ loại 2 theo mô hình “đàn nhận bay”.

Dù đã có một số doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến cho sản xuất, như các doanh nghiệp Nhật Bản (Honda, Yamaha...), Đài Loan, Hàn Quốc, nhưng phần lớn các công nghệ này chỉ có thể đánh giá là công

nghệ tiên tiến và trung bình chứ chưa phải là công nghệ cao, vì với nhiều doanh nghiệp chỉ là sự “dịch chuyển công nghệ” từ các nước khác phục vụ cho một số khâu công nghệ đơn giản (lắp ráp, sơn tĩnh điện...). Một số ít có công nghệ cao nhưng số lượng còn rất khiêm tốn. Chúng ta đã có chủ trương xây dựng 2 khu công nghệ cao ở TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội với nhiều ưu đãi đặc biệt, nhưng do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, đến nay kết quả thu hút các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này còn rất hạn chế.

*- Lực lượng lao động trong các KCN, KCX ở nước ta còn nhiều hạn chế.*

Nhìn chung lực lượng lao động trình độ chuyên môn thấp, không quen với môi trường lao động công nghiệp, chưa đáp ứng được những yêu cầu quản lý, sản xuất hiện đại của các doanh nghiệp trong KCN, KCX. Theo số liệu điều tra, trình độ đại học và trên đại học trong các KCN, KCX chỉ chiếm có 4,5% tổng số lao động, trong khi đó lao động giản đơn chiếm tới 60%. Chính vì vậy, mặc dù các doanh nghiệp trong KCN, KCX đang rất thiếu lao động, đặc biệt là lao động có trình độ cao, nhưng lực lượng lao động của nước ta lại không đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng.

*- Xử lý vấn đề giá thuê đất trong các KCN, KCX còn bất cập.*

Trong các KCN, KCX ở nước ta hiện nay, việc phát triển hạ tầng kỹ thuật vẫn được tiến hành theo hình thức Nhà nước giao đất cho doanh nghiệp phát triển hạ tầng thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hoặc thuê lại đất đã phát triển hạ tầng. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất trong KCN, KCX thì thuê lại đất đã xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp phát triển hạ tầng. Do đó giá thuê đất trong KCN, KCX bao gồm giá đất thô cộng với chi phí giải toả, chi phí đầu tư phát triển hạ tầng và lợi nhuận của doanh nghiệp. Với hình thức như vậy sẽ không tính và tách được quyền cho thuê đất thô (của Nhà nước) với quyền cho thuê hạ tầng (của doanh nghiệp phát triển hạ tầng), dẫn đến hiện tượng một số doanh nghiệp

phát triển hạ tầng đầu cơ đất. Điều này làm cho giá thuê đất ở trong KCN, KCX nhiều khi cao hơn so với giá thuê đất ở bên ngoài khu công nghiệp; làm độn chi phí của doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thấp.

*- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng ở các KCN, KCX còn nhiều bất cập, hạn chế, vừa phức tạp, vừa tốn nhiều thời gian, tiền bạc.*

Nhiều KCN, KCX phải mất 2-3 năm mới đền bù giải toả xong (cá biệt có một số KCN mất gần 10 năm mà vẫn chưa giải phóng xong mặt bằng như KCX Hải Phòng 96). Điều này đã đẩy chi phí xây dựng tăng lên, dẫn đến giá cho thuê đất tăng cao, làm giảm tính hấp dẫn của KCN, KCX.

*- Việc phát triển các KCN, KCX không hài hoà với phát triển các công trình xã hội (nhà ở, các công trình giáo dục, y tế... phục vụ đời sống cho người lao động và gia đình họ làm việc trong KCN, KCX).*

Nhà ở cho người lao động ở các KCN, KCX đang là vấn đề gay gắt nổi lên trong những năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là công nhân làm việc trong khu KCN, KCX phần lớn là dân nhập cư từ các tỉnh khác, không có nhà ở, làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp.

*- Vấn đề môi trường trong và xung quanh các KCN, KCX cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.*

KCN, KCX là nơi tập trung số lượng lớn các nhà máy công nghiệp. Tại đây nếu chất thải công nghiệp không được xử lý tốt sẽ làm cho môi trường bị ô nhiễm trên diện rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống và sức khoẻ của người lao động và nhân dân trong vùng. Thế nhưng do sự phát triển không đồng bộ theo quy hoạch và chưa quan tâm đúng mức nên ô nhiễm môi trường ở hầu hết các KCN, KCX đang trong tình trạng báo động đỏ, đe dọa sự phát triển bền vững trong thời gian tới. Hiện cả nước mới có 19 KCN, KCX có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chiếm chưa đầy 15%. Nhiều KCN có mức độ ô nhiễm không khí vượt mức cho phép từ 1,5- đến 3 lần, nhất là ở các KCN,

KCX tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất, chế biến gỗ.

*- Một số vấn đề xã hội nổi cộm ở các KCN, KCX*

Gần đây, một vấn đề nổi lên ở các KCN, KCX là tình trạng công nhân tổ chức đình công đòi giới chủ nâng lương, tăng thêm tiền phụ cấp độc hại, và tỏ thái độ bất bình, phản nộ trước những thái độ thiếu quan tâm đến chỗ ăn ở, sinh hoạt, đời sống vật chất, tinh thần sức khoẻ của người lao động. Chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng trước và sau Tết Nguyên đán 2006 vừa qua, đã xảy ra hơn 150 cuộc đình công tự phát với hơn 140 nghìn lượt người lao động tham gia. Đây là đợt đình công lớn nhất ở nước ta trong hơn 10 năm thực hiện Bộ luật Lao động. Những cuộc đình công này ít nhiều đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, KCX. Thậm chí có trường hợp doanh nghiệp bị một số đối tượng quá khích lợi dụng tình trạng hỗn loạn đập phá cơ sở vật chất, máy móc, gây thiệt hại lớn. Đây là một vấn đề nổi cộm không chỉ trên góc độ kinh tế, mà còn cả trên góc độ chính trị, xã hội.

### III. MỘT VÀI KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

*Thứ nhất, về công tác quy hoạch phát triển KCN, KCX*

Theo đánh giá chung hiện nay, chất lượng quy hoạch các KCN, KCX còn thấp, kém hiệu quả; việc phân bổ vừa dàn trải, vừa tập trung quá mức ở các đô thị và quốc lộ, có nơi xác định quỹ đất cho KCN, KCX còn thiếu tính khoa học, Vì vậy, yêu cầu đầu tiên trong công tác quy hoạch là: (1) Rà soát, điều chỉnh lại các bản quy hoạch phát triển KCN, KCX trong từng vùng và trong phạm vi cả nước để hình thành một quy hoạch thống nhất. Quy hoạch này phải mang tính tổng thể, căn cứ vào tiềm năng lợi thế phát triển của từng tỉnh, thành phố và khu vực, tạo được sự liên kết giữa tất cả các hình thức tổ chức sản xuất (KCN, KCX vừa và nhỏ của địa phương, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp...), đồng thời liên kết được sự



phát triển giữa các ngành, các vùng lãnh thổ và phải tính đến các yếu tố bên ngoài KCN, KCX, thị trường trong và ngoài nước; (2) Khi xây dựng các KCN, KCX phải tuân thủ theo các quy hoạch được phê duyệt. Quy hoạch chi tiết trên địa bàn nào thì đồng thời triển khai ngay các công trình hạ tầng, đi liền với tạo cơ chế thuận lợi, tiếp nhận các doanh nghiệp vào đầu tư, lấp đầy ngay diện tích đó.

*Thứ hai, tăng cường đào tạo và đổi mới phương pháp dạy nghề*

Hiện nay tại các KCN, KCX, nhu cầu lao động có trình độ, tay nghề là rất lớn. Theo tính toán, số lượng lao động mới chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Trong khi đó tỷ lệ thanh niên thất nghiệp tại các địa phương có KCN, KCX vẫn ở mức cao. Do vậy trước mắt, các địa phương, ban quản lý KCN, KCX cần chủ động nhanh chóng kết hợp với các bộ, ngành có liên quan để mở các trung tâm đào tạo nghề tại KCN, nhằm đào tạo trực tiếp công nhân kỹ thuật cho các doanh nghiệp sản xuất trong KCN, KCX. Còn đối với các doanh nghiệp, cần phải chủ động tiếp cận các cơ sở đào tạo nghề để kết hợp mở các khoá đào tạo nghề cho người lao động trong doanh nghiệp. Về lâu về dài, các cơ quan quản lý nhà nước cần phải tổ chức quy hoạch sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề, có cơ chế bồi dưỡng, đào tạo theo nhiều hình thức, phù hợp với nhiều loại đối tượng học nghề để đáp ứng yêu cầu nguồn lao động cho các KCN, KCX. Mặt khác, Nhà nước cần có kế hoạch hỗ trợ nâng cấp trang thiết bị học tập tại các trung tâm đào tạo nghề gắn với địa bàn các KCN, KCX, đổi mới chương trình giảng dạy, và phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề; mở rộng nhiều hình thức dạy theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp.

*Thứ ba, cơ cấu lại ngành nghề trong các KCN.*

Như đã phân tích ở trên, cơ cấu ngành nghề trong các KCN, KCX ở nước ta chủ yếu là những ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng như dệt, sợi,

may mặc, da giày... Còn các dự án đầu tư phát triển công nghiệp nặng, những ngành đòi hỏi hàm lượng khoa học cao rất ít. Vì vậy, trong thời gian tới cần phải xác định tiêu chuẩn các xí nghiệp đầu tư vào KCN, KCX về cả quy mô, ngành nghề và công nghệ để nâng cao hiệu quả đầu tư. Đối với một số KCN cần phải định hướng phát triển các ngành đòi hỏi hàm lượng khoa học công nghệ cao, để đi tắt đón đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn.

*Thứ tư, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất trong KCN, KCX*

Trong thời gian qua, công tác quản lý và sử dụng đất trong các KCN, KCX còn nhiều bất cập. Các địa phương tùy thuộc vào điều kiện của mình có những chính sách rất khác nhau. Cơ chế thuê và cho thuê lại đất đang tạo ra tình trạng đầu cơ đất trong các KCN, KCX. Do vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất, trước hết cần phải hoàn thiện cơ chế thuê và cho thuê lại đất theo hướng tách bạch giữa việc cho thuê đất thô (quyền của Nhà nước) và phí sử dụng hạ tầng (quyền của doanh nghiệp phát triển hạ tầng). Tức là Nhà nước cho thuê đất trực tiếp đối với các doanh nghiệp KCN, còn các công ty phát triển hạ tầng KCN chỉ cho thuê sử dụng cơ sở hạ tầng đã xây dựng và dịch vụ tiện ích KCN, KCX. Theo cơ chế này, các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KCX sẽ được hưởng đơn giá thuê đất trực tiếp của Nhà nước và các ưu đãi về chế độ miễn giảm tiền thuê đất do Nhà nước quy định.

*Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước đối với KCN*

Cơ chế quản lý các KCN, KCX hiện nay tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn có mặt hạn chế, chưa thực sự khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào KCN tập trung. Vì vậy cần tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý "một cửa, tại chỗ" đối với KCN, KCX; gắn liền với việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các KCN, KCX, các bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh cần phân cấp mạnh hơn nữa cho ban quản lý KCN cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ

quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền khi đủ điều kiện. Bên cạnh đó tích cực đổi mới hệ thống tổ chức bộ máy quản lý KCN, KCX. Công việc này phải lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá hoạt động của bộ máy quản lý.

*Thứ sáu, đảm bảo hài hoà giữa phát triển KCN, KCX với các vấn đề xã hội khác.*

Như đã phân tích, việc phát triển các KCN, KCX ở nước ta trong thời gian qua đã xuất hiện một số vấn đề về xã hội nổi bật như nhà ở cho công nhân, điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng, môi trường xung quanh các KCN, KCX... Do đó, để phát triển bền vững, khi quy hoạch xây dựng các KCN, KCX phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng kỹ thuật-xã hội: (1) Trước mắt cần ưu tiên phát triển nhà ở cho công nhân lao động làm thuê tại các KCN, KCX. Nhà nước có chính sách ưu đãi thích hợp đối với những doanh nghiệp tự bỏ vốn xây dựng nhà ở cho người lao động của mình theo quy hoạch. (2) Tăng cường đầu tư xử lý chất thải chung cho các cụm, KCN, KCX, nhất là các KCN vừa và nhỏ. Buộc các doanh nghiệp phải lắp đặt thiết bị xử lý chất thải và thực hiện chủ trương "ai gây ô nhiễm, người đó phải chi trả". (3) Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, tham gia kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm, đủ sức răn đe những doanh nghiệp vi phạm pháp luật lao động. Đẩy mạnh vai trò của các tổ chức công đoàn trong các KCN, KCX để bảo đảm quyền lợi của người lao động như đóng bảo hiểm xã hội đúng và đều đặn cho người lao động. Công đoàn cùng với giới chủ xây dựng chế độ điều chỉnh tiền lương cho người lao động tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập và giá cả sinh hoạt.

\*  
\*      \*

**Tóm lại:** 15 năm triển khai phát triển KCN, KCX chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào quá trình phát triển kinh tế, thực hiện có

hiệu quả mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên trong quá trình phát triển đã tiềm ẩn nhiều nhân tố thiếu bền vững, cản trở phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới như các vấn đề quy hoạch, lao động, môi trường và nhiều vấn đề xã hội khác... Giải quyết tốt những vấn đề đó sẽ góp phần không nhỏ thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2006-2010 như Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra; đồng thời, nâng cao hơn nữa vai trò của KCN, KCX trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. /.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Aradhna Aggarwal, "Export Processing Zones in India: Analysis of the Export Performance", tài liệu nghiên cứu của ICRIER, 2004.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, "Phát triển khu công nghiệp và khu chế xuất ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế" Kỷ yếu hội thảo, 2004.
3. Brian Van Arkadie & Raymond Mallon, "Việt Nam con hổ đang chuyển mình", Nxb Thống kê, H 2004.
4. Enrique Blanco de Armas & Mustapha Sadni-Jallab, "A Review of the Role and Impact of Export processing Zones in World Trade : the Case of Mexico", University Lumière Lyon 2, 2002.
5. David O.Dapice, "Nền kinh tế Việt Nam: Câu chuyện thành công hay tình trạng lưỡng thể bất thường?", ĐH Harvard, tháng 5 -2003.
6. Đảng CSVN, "Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX", Nxb CTQG, H 2001.
7. Vũ Xuân Mừng, "Khai thác tốt lợi thế, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam", Tạp chí Cộng sản, số 2, 2004.
8. TS.Vũ Anh Tuấn, "Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, những vấn đề đặt ra", Tạp chí Phát triển kinh tế, tháng 2 - 2004.
9. GS.TS Nguyễn Văn Thường, "Một số vấn đề kinh tế-xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới", Nxb CTQG, H 2004.
10. Thời báo Kinh tế Việt Nam, "Kinh tế Việt Nam 2005-2006", H 2006.
11. Wei Ge, "The Dynamics of Export Processing Zones", tài liệu nghiên cứu của UNCTAD, số 144, 1999.
12. Báo Sài Gòn giải phóng, ngày 21-01-2003; Báo Đầu tư, ngày 6-3-2006.